

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP
- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Ông Dương Hoàng Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã V, thị xã TC, tỉnh AG. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1952. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại xã V, thị xã TC, tỉnh AG. Hôn nhân do quen biết trước được 01 năm. Sau khi cưới chị và anh T cùng sinh sống bên gia đình chị tại xã V, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hàng ngày chị và anh T đi làm thuê nhưng từ khi các con chào đời thì việc làm giảm sút, đời sống khó khăn, chật vật nhưng anh T thì lại hay uống rượu với bạn bè, về nhà là cự cãi và đánh chị, anh T cứ đi hoài, không về nhà

làm để nuôi con cũng không có gửi tiền cho chị để nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Khoảng tháng 07 năm 2019 chị và anh T đã làm giấy tay thỏa thuận ly hôn với nội dung hai con chung chị nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng và hai bên không quan hệ gì với nhau, sau khi làm tờ thỏa thuận thì anh T lại bội tính hay quấy rối cuộc sống của chị. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 07 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Việc mẹ chồng trình bày là chị chọi viên đá vô mặt anh T là không đúng, do Tết nguyên đán năm 2020 anh T có đến nhà chị thăm con chung, thì chị N ở xóm hỏi thăm anh T là sao lâu quá mới thấy anh T, thì anh T chửi chị N, hai bên cự cãi nhau nên chồng chị N đánh anh T, không phải chị và anh T xô xát nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống với nhau có hai con chung gồm con gái Trần Thị Bé Đ, sinh ngày 18/11/2008 và con trai Trần Ngọc L, sinh ngày 26/4/2013. Hiện hai con chung sống cùng chị từ khi sinh ra cho đến nay, trong thời gian chị nuôi dưỡng con chung thì anh T không có gửi tiền cho chị để nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm thợ hồ, mỗi ngày được 300.000đ, lương mỗi tháng là 7.200.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân và tiền nhà trọ, tiền ăn thì chị còn dư 2.000.000đ đến 3.000.000đ nên đủ để mẹ con chị sinh sống. Hiện tại chị không biết anh T làm nghề gì, thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền.

3. Về tài sản chung: Chị và anh T chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020 người làm chứng bà Nguyễn Ngọc S, trình bày: Bà là mẹ ruột anh T, mẹ chồng chị C và không có mâu thuẫn gì với anh T và chị C. Bà nhớ chị C và anh T cưới nhau là do tìm hiểu trước. Bà không nhớ vợ chồng anh T cưới nhau khi nào và có đăng ký kết hôn hay không. Hiện tại vợ chồng anh T xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung hơn 01 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì bà không biết nhưng bà nghe nói tết Nguyên đán năm 2020 anh T có sang nhà cha mẹ vợ để thăm con chung nhưng xảy ra xô xát với chị C, chị C chọi viên đá vô mặt anh T còn lý do vợ chồng anh T xô xát thì bà không biết. Sui gia hai bên cũng hòa thuận không có xích mích gì. Từ trước đến nay anh T không có đánh vợ. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì tùy vợ chồng quyết định, vợ chồng chị C tự tìm hiểu thì ly hôn tự thỏa thuận với nhau, không cần đến

Tòa án. Về con chung: Có hai con chung tên Trần Thị Bé Đ, sinh năm 2008 và Trần Ngọc L, sinh năm 2013 hiện cháu Đ, cháu L đang sống với chị C. Theo bà anh T thống nhất giao hai cháu cho chị C, nếu chị C không yêu cầu nuôi con thì giao về cho anh T. Chị C làm nghề mua bán ve chai, còn anh T thì làm thợ hồ, bà không rõ thu nhập của chị C và anh T bao nhiêu và không có gửi tiền về cho bà. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh T thì không có. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Văn T, vì giữa chị C và anh T thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân. Về việc nuôi con chung: Con chung Trần Thị Bé Đ, sinh ngày 18/11/2008 và con trai Trần Ngọc L, sinh ngày 26/4/2013 hiện đang sinh sống cùng chị C được đảm bảo về mọi mặt và hai con chung có nguyện vọng sống cùng chị C nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Bé Đ, Ngọc L cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Văn T và anh T hiện cư trú tại ấp 2, xã 1, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trần Văn T và người làm chứng bà Nguyễn Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T, bà S vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà S đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, bà S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 16/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị trấn TC, tỉnh AG là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị C cho rằng chị và anh T chung sống không hạnh phúc, vì anh T thường xuyên bỏ

nhà đi, không cùng chị làm để nuôi dưỡng con chung, anh T cũng thường xuyên uống rượu với bạn bè, về nhà là cự cãi, đánh chị nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay và vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Hội đồng xét xử đã động viên chị C hàn gắn tình cảm với anh T nhưng chị C vẫn cương quyết ly hôn. Nhận thấy, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án hòa giải với chị C để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Đồng thời, người làm chứng bà Nguyễn Ngọc S cũng là mẹ ruột của anh T trình bày thì vợ chồng anh T có mâu thuẫn và không sống chung với nhau hơn 01 năm. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị C và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị C yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Trần Thị Bé Đ, sinh ngày 18/11/2008 và con chung Trần Ngọc L, sinh ngày 26/4/2013 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị C, được đảm bảo về mọi mặt và con chung Bé Đ, Ngọc L có nguyện vọng sống với chị C. Bà S cũng trình bày là anh T thống nhất giao hai con chung cho chị C nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Bé Đ, Ngọc L cho chị C được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị C chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001160 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C. Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Trần Thị Bé Đ, sinh ngày 18/11/2008 và con chung Trần Ngọc L, sinh ngày 26/4/2013 cho chị Nguyễn Thị C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001160 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2020) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung